

Số liệu về quan trắc không khí tháng 10
(từ ngày 16/09/2024 đến ngày 15/10/2024)

1. Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực huyện Đồng Phú
❖ Kết quả quan trắc các thông số khí tượng

Ngày tháng	Độ ẩm	Nhiệt độ	Áp suất	Tốc độ gió	Hướng gió	Lượng mưa	Bức xạ mặt trời
	%rH	°C	hPa	Km/h	o	mm	W/m ²
16/09/2024	91,64	26,27	993,36	2,38	192,45	0,36	34,23
17/09/2024	96,20	25,94	992,02	1,74	186,68	1,44	16,20
18/09/2024	97,86	24,71	990,80	2,03	234,76	0,61	8,68
19/09/2024	95,08	25,93	991,41	2,05	219,92	0,17	14,07
20/09/2024	96,80	25,58	993,73	1,68	173,75	0,53	13,56
21/09/2024	97,98	25,18	995,45	1,98	194,41	1,52	8,28
22/09/2024	99,21	24,93	997,69	1,20	139,40	0,45	3,67
23/09/2024	93,57	25,96	999,25	2,37	183,13	1,46	1,45
24/09/2024	90,71	26,80	999,44	1,06	99,09	0,00	33,66
25/09/2024	88,87	27,50	999,68	1,45	116,02	0,18	24,17
26/09/2024	87,20	27,53	999,64	1,77	130,32	0,00	34,37
27/09/2024	87,75	27,07	999,13	2,11	120,19	0,13	47,10
28/09/2024	82,59	28,53	998,66	1,67	143,15	0,00	25,78
29/09/2024	80,92	29,29	997,85	1,76	172,08	0,00	10,89
30/09/2024	82,19	28,96	997,01	1,62	128,89	0,00	9,45
01/10/2024	78,93	28,95	996,95	1,91	168,55	0,00	1,61
02/10/2024	80,71	28,61	998,76	1,75	137,97	0,00	5,56
03/10/2024	92,77	26,09	999,00	1,84	149,32	1,44	3,74
04/10/2024	84,81	27,16	999,68	2,44	143,03	0,00	61,66
05/10/2024	84,01	27,29	998,38	2,27	108,03	0,05	41,65
06/10/2024	85,08	27,47	999,59	2,47	113,25	0,11	149,38
07/10/2024	85,61	27,27	1000,10	1,87	137,91	1,07	118,55
08/10/2024	91,56	25,78	999,79	2,11	147,45	1,78	73,08
09/10/2024	100,17	23,53	1000,47	1,10	94,37	0,08	0,00
10/10/2024	81,25	28,36	997,56	2,77	190,17	1,98	130,52
11/10/2024	89,06	26,98	997,43	1,66	109,77	0,01	71,96
12/10/2024	88,47	26,95	998,88	2,27	89,52	0,55	85,73
13/10/2024	86,69	26,71	998,07	2,38	93,52	1,13	67,04
14/10/2024	83,72	27,64	997,43	2,21	125,54	0,43	53,00
15/10/2024	88,63	27,13	998,45	2,17	140,13	1,20	68,60
Trung bình	88,91	26,89	997,67	1,92	144,49	0,56	40,81

[illegible]

❖ **Chỉ số chất lượng không khí xung quanh tại khu vực huyện Đồng Phú**

Ngày tháng	Kết quả	Chất lượng không khí
16/09/2024	12	Tốt
17/09/2024	12	Tốt
18/09/2024	13	Tốt
19/09/2024	13	Tốt
20/09/2024	13	Tốt
21/09/2024	13	Tốt
22/09/2024	13	Tốt
23/09/2024	16	Tốt
24/09/2024	13	Tốt
25/09/2024	13	Tốt
26/09/2024	16	Tốt
27/09/2024	13	Tốt
28/09/2024	13	Tốt
29/09/2024	13	Tốt
30/09/2024	17	Tốt
01/10/2024	13	Tốt
02/10/2024	20	Tốt
03/10/2024	27	Tốt
04/10/2024	23	Tốt
05/10/2024	27	Tốt
06/10/2024	28	Tốt
07/10/2024	33	Tốt
08/10/2024	33	Tốt
09/10/2024	19	Tốt
10/10/2024	25	Tốt
11/10/2024	27	Tốt
12/10/2024	23	Tốt
13/10/2024	24	Tốt
14/10/2024	15	Tốt
15/10/2024	30	Tốt

2. Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực thị xã Chơn Thành
❖ Kết quả quan trắc các thông số chất lượng không khí

Ngày tháng	Bụi PM _{2,5}	Bụi PM ₁₀	Bụi TSP	NO ₂	CO
	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³
16/09/2024	27,36	47,53	57,99	--	--
17/09/2024	40,07	51,04	56,09	--	--
18/09/2024	41,01	55,45	64,11	--	--
19/09/2024	32,38	48,41	61,99	--	--
20/09/2024	53,59	81,98	102,03	--	--
21/09/2024	54,87	87,26	101,95	--	--
22/09/2024	68,65	125,22	136,92	--	--
23/09/2024	65,21	99,24	108,24	--	--
24/09/2024	39,12	48,71	55,76	--	--
25/09/2024	60,55	116,86	127,89	--	--
26/09/2024	52,74	123,80	133,38	--	--
27/09/2024	53,79	100,65	116,20	--	--
28/09/2024	54,17	90,31	102,19	--	--
29/09/2024	53,39	69,04	82,83	--	--
30/09/2024	60,23	75,34	86,73	--	--
01/10/2024	37,87	60,78	77,14	--	--
02/10/2024	49,73	62,75	73,78	--	--
03/10/2024	50,13	79,98	89,32	25,79	25,20
04/10/2024	33,38	54,46	62,59	29,29	25,55
05/10/2024	50,05	92,29	99,60	20,82	25,75
06/10/2024	50,64	75,18	80,01	32,43	25,83
07/10/2024	52,91	76,62	84,66	35,60	25,93
08/10/2024	84,07	143,93	153,76	40,21	25,89
09/10/2024	50,53	120,77	127,32	36,36	25,88
10/10/2024	50,78	88,35	104,17	33,39	25,97
11/10/2024	56,61	71,49	82,85	36,29	26,05
12/10/2024	60,25	105,17	115,33	35,30	26,36
13/10/2024	50,58	68,60	73,99	25,45	26,31
14/10/2024	59,62	137,20	145,59	31,43	26,48
15/10/2024	36,77	47,47	54,64	37,22	26,47
Trung bình	51,03	84,77	95,21	32,28	25,97
QCVN 05:2023/BTNMT	50	100	200	120	10.000
Đánh giá	Không Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

3. Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực thành phố Đồng Xoài

❖ Kết quả quan trắc các thông số khí tượng

Ngày tháng	Độ ẩm	Nhiệt độ	Áp suất	Tốc độ gió	Hướng gió	Lượng mưa	Bức xạ mặt trời
	%rH	°C	hPa	Km/h	o	mm	W/m ²
16/09/2024	89,83	26,36	993,44	1,67	154,23	1,01	145,65
17/09/2024	94,82	26,10	992,84	1,31	159,71	1,35	101,03
18/09/2024	96,25	24,88	991,15	1,23	135,21	0,81	78,78
19/09/2024	92,85	26,09	991,51	1,14	98,67	0,37	140,25
20/09/2024	93,33	26,02	994,65	1,10	48,05	0,28	93,36
21/09/2024	95,54	25,57	995,80	1,36	97,63	0,74	82,93
22/09/2024	97,89	25,05	997,93	0,95	77,87	0,52	60,60
23/09/2024	91,27	26,20	999,59	1,72	112,09	0,97	147,37
24/09/2024	87,49	27,12	1000,06	0,84	95,30	0,00	134,67
25/09/2024	84,89	27,88	999,93	1,56	99,41	0,17	219,15
26/09/2024	84,80	27,56	1000,05	1,56	141,30	0,09	169,64
27/09/2024	85,32	27,30	999,74	1,46	132,94	0,10	186,97
28/09/2024	78,89	29,03	999,03	1,60	109,75	0,00	224,23
29/09/2024	77,16	29,72	998,39	1,48	112,35	0,00	220,21
30/09/2024	79,33	29,26	997,19	1,67	83,62	0,24	212,96
01/10/2024	75,63	29,45	997,21	1,48	79,25	0,00	235,93
02/10/2024	76,59	29,16	999,04	1,92	120,67	0,00	213,63
03/10/2024	88,80	26,65	1000,10	1,95	107,20	1,32	154,67
04/10/2024	82,26	27,46	1000,05	1,89	188,33	0,00	255,29
05/10/2024	80,88	27,52	999,04	2,01	133,17	0,33	234,65
06/10/2024	79,17	28,19	999,99	2,13	165,81	0,01	220,07
07/10/2024	81,47	27,79	1000,33	2,14	120,06	1,31	239,74
08/10/2024	88,60	26,28	1000,24	1,88	155,10	3,14	196,15
09/10/2024	86,27	27,04	999,18	1,45	118,24	0,48	236,96
10/10/2024	85,01	27,11	998,30	1,85	141,85	1,01	235,02
11/10/2024	84,84	27,51	998,20	1,61	91,10	0,11	225,34
12/10/2024	82,15	27,67	999,54	1,95	123,10	0,01	203,47
13/10/2024	83,50	27,28	998,83	1,88	148,17	1,64	260,07
14/10/2024	78,67	28,39	998,20	2,02	142,21	0,10	267,55
15/10/2024	85,46	27,57	998,84	1,47	141,38	1,40	187,83
Trung bình	85,49	27,34	998,10	1,61	119,98	0,57	187,54

❖ Kết quả quan trắc các thông số chất lượng không khí

Ngày tháng	O ₃	SO ₂	NO ₂
	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³
16/09/2024	41,63	23,59	17,81
17/09/2024	39,63	26,02	17,20
18/09/2024	46,65	27,41	18,11
19/09/2024	45,68	28,04	14,88

Ngày tháng	O ₃	SO ₂	NO ₂
	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³
20/09/2024	40,16	24,91	14,18
21/09/2024	37,94	24,92	12,67
22/09/2024	39,05	28,06	9,21
23/09/2024	44,93	26,40	12,48
24/09/2024	39,93	25,59	38,50
25/09/2024	37,92	23,59	23,37
26/09/2024	43,89	23,89	21,68
27/09/2024	41,67	23,43	13,52
28/09/2024	44,30	22,87	11,06
29/09/2024	48,63	22,29	5,93
30/09/2024	50,83	22,73	11,18
01/10/2024	47,01	22,50	9,47
02/10/2024	45,17	22,00	13,05
03/10/2024	43,77	24,41	14,80
04/10/2024	44,55	25,65	17,29
05/10/2024	48,36	24,51	16,59
06/10/2024	53,72	24,40	9,64
07/10/2024	51,35	25,00	10,20
08/10/2024	49,80	27,54	23,59
09/10/2024	44,80	29,77	24,68
10/10/2024	44,01	26,37	16,97
11/10/2024	46,88	27,95	10,94
12/10/2024	42,59	25,46	4,04
13/10/2024	45,56	26,05	1,43
14/10/2024	48,43	28,22	2,09
15/10/2024	50,52	26,13	1,33
Trung bình	45,09	25,38	13,79
QCVN 05:2023/BTNMT	125	100	120
Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt

Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường